

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/DS-PT.

Ngày 24 - 3 - 2023.

V/v “Tranh chấp lỗi đi qua bất động sản
liền kề”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc.

Bà Trần Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2023/TLPT - DS ngày 20 tháng 02
năm 2023 về việc: “Tranh chấp lỗi đi qua bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo và bị kháng
nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ - PT ngày
02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Chị Lê Thị Ngọc N1, sinh năm 1975 (Tên gọi khác Lê Ngọc N1, có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Chị Ngô Thị P, sinh năm 1977 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1937 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2022, đơn khởi kiện sửa đổi ngày 08 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 trình bày:*

Vợ chồng anh N, chị N1 hiện đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích 9.001m², thửa số 63, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Để ra lộ công cộng, gia đình anh N, chị N1 phải đi qua phần đất diện tích 4.930,8m², thửa số 99, tờ bản đồ số 17, đất ở nông thôn và cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P đăng ký kê khai nhưng chưa được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Trước đây do ông Nguyễn Văn L là cha anh B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Lối đi này đã được gia đình anh N và gia đình anh B sử dụng chung cách nay trên 60 năm từ thời ông bà, cha mẹ. Vào thời điểm, ông L còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh N có thỏa thuận với ông L cho gia đình anh N cải tạo lối đi chung cho 02 gia đình với chiều ngang 04m, chiều dài 70m thì ông L đồng ý. Từ thời gian đó cho đến trước khi tranh chấp, anh B, chị P cũng không có ý kiến gì.

Đến khoảng tháng 3 năm 2022, gia đình anh N mở quán kinh doanh du lịch vườn sinh thái, từ đó phát sinh mâu thuẫn giữa hai gia đình, có thời gian gia đình anh B làm hàng rào gây khó khăn cho việc đi lại và kinh doanh của gia đình anh N. Đây là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất để gia đình anh N đi ra đường công cộng và kinh doanh, mua bán. Trên lối đi, không có cây trồng và vật kiến trúc.

Nay anh N, chị N1 yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P chấm dứt hành vi ngăn cản và mở lối đi tại phần đất diện tích 4.930,8m², thửa số 99 (Tách 58), tờ bản đồ số 17 (8), đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P kê khai đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích lối đi là 365,7m², chiều ngang 04m, chiều dài tính từ phần lộ công cộng chạy dài cho đến phần đầu đất diện tích 9.001m², thửa số 63, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh N và chị N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại văn bản ý kiến ngày 28/7/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P trình bày:*

Nguồn gốc phần đất diện tích 4.930,8m², thửa số 99, tờ bản đồ số 17, đất ở nông thôn và cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là do cha ruột anh B là ông Nguyễn Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 2013, ông L tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh B, chị P kê khai đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Chương trình Vlap diện tích 4.930,8m², tách 99 (Tách 58), tờ bản đồ số 17 (8), đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long).

Nằm phía trong phần đất diện tích 4.930,8m² của anh B là phần đất diện tích 9.001m², thửa số 63, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh N và chị N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để đi ra đường công cộng, gia đình anh N, chị N1 phải đi trên phần lối đi thuộc phần đất diện tích 4.930,8m² của gia đình anh B. Ngoài lối đi này thì anh N, chị N1 không còn lối đi khác để ra đường công cộng.

Anh N, chị N1 có kinh doanh mở vườn sinh thái, hát karaoke, xe chạy thường xuyên, quán mở đến khuya gây tiếng ồn ảnh hưởng đến gia đình anh B nên gia đình dự định sẽ làm hàng rào để bảo vệ tài sản nhưng không rào lại được.

Nay anh N, chị N1 yêu cầu anh B, chị P chấm dứt hành vi ngăn cản và mở lối đi tại phần đất diện tích 4.930,8m², tách 99 (Tách 58), tờ bản đồ số 17 (8), đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P kê khai đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích lối đi là 365,7m², chiều ngang 04m, chiều dài tính từ phần lộ công cộng chạy dài cho đến phần đầu đất diện tích 9.001m², thửa số 63, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh N và chị N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh B và chị P không đồng ý. Anh B, chị P chỉ đồng ý mở lối đi chung cho gia đình anh N, chị N1 với diện tích 80,3m², chiều ngang 01 mét, chiều dài từ phần lộ nhựa chạy dài cho đến phần đầu đất của anh N, chị N1. Anh B chỉ đồng ý mở lối đi cho gia đình anh N, chị N1 chứ không đồng ý cho khách du lịch ra vào khu du lịch sinh thái đi trên lối đi này.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Phần đất hiện tranh chấp lối đi giữa anh N và anh B diện tích cũ 4.850m², thửa cũ 812, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Trước đây, phần đất này do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992.

Vào khoảng năm 2016, ông L tặng cho phần diện tích đất nêu trên cho vợ chồng anh B. Theo chương trình V diện tích 4.930,8m², tách 99 (Tách 58), tờ bản đồ số 17 (8), đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh B, chị P đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nên ông L không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 95, 171 Luật đất đai 2013; Điều 245, 246, 254 Bộ luật dân sự; Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P phải mở lối đi cho anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 tại phần đất diện tích 4.930,8m², thửa số tách 99 (tách 58), tờ bản đồ số 17 (8), đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P kê khai đăng ký quyền sử dụng đất với lối đi diện tích là 365,7m², chiều ngang 04m, chiều dài tính từ phần lộ công cộng chạy dài cho đến phần đầu đất diện tích 9.001,0m², thửa số 63, tờ bản đồ số 17, đất trồng cây lâu năm, tọa tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1). Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/10/2022 và ngày 06/01/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V kèm theo.

Anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P không được có hành vi ngăn cản hoặc có hành vi rào lối đi đã được Tòa án công nhận.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo các của đương sự.

Ngày 17/01/2023 bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh N, chị N1. Anh B và chị P chỉ chấp nhận mở lối đi ngang 1,5m và chiều dài hết đất để cho nguyên đơn đi ra đường công cộng.

Ngày 08/02/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Ngọc N1 với bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và ông Nguyễn Văn L đồng ý có nghĩa vụ mở lối đi tại tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 80,3m² loại đất CLN có sơ đồ vị trí, giáp giới kích thước hình thể được xác định qua các mốc 2,3,4,5,6,7,8,9,21,20,19,18,2 và tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 163,2m² loại đất CLN có sơ đồ vị trí, giáp giới kích thước hình thể được xác định qua các mốc 2,18,19,20,21,9,9',21',20',19',18',2',2. Tổng diện tích mở lối đi là 243,5m² [Tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 80,3m² loại đất CLN + tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 163,2m² loại đất CLN] cho gia đình anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Ngọc N1 và gia đình anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P, ông Nguyễn Văn L sử dụng chung không thời hạn không ai được quyền ngăn cản. Anh N, chị N1, anh B, chị P và ông L được quyền bồi đắp, san lấp, láng bê tông, láng nhựa tại diện tích đất mở lối đi 243,5m².

Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 có nghĩa vụ hỗ trợ cho giá trị đất tại diện tích mở lối đi cho người có quyền sử dụng đất bị mở lối đi là anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P bằng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về chi phí khảo sát, đo đạc: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đồng ý chịu nộp toàn bộ số tiền 2.381.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đồng ý chịu nộp toàn bộ số tiền án phí không có giá ngạch 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về kháng nghị của Viện kiểm sát: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội việc thỏa thuận này nằm

trong phạm vi kháng nghị của Viện kiểm sát. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hướng tuyên sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Buộc anh B, chị P phải mở lối đi cho nguyên đơn anh N, chị N1 có tổng diện tích 243,5m² với chiều ngang 03 mét dài hết phần đất gồm tách thửa 99 (58) diện tích 163,2m² và tách thửa 99 (58) diện tích 80,3m² tại các mốc 2', 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9'. 2' và lối đi này được sử dụng làm lối đi chung cho hộ gia đình của nguyên đơn và bị đơn.

Buộc nguyên đơn anh N, chị N1 hỗ trợ cho anh B, chị P số tiền 100.000.000đ.

Về chi phí khảo sát đo đạc: Buộc anh N, chị N1 phải nộp toàn bộ do tự nguyện.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N, chị N1 phải nộp 300.000đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên các đương sự có kháng cáo không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đúng về hình

thức, nội dung và còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm: Giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Ngọc N1 với bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L thỏa thuận thống nhất được với nhau toàn bộ các vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và ông Nguyễn Văn L đồng ý có nghĩa vụ mở lối đi tại tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 80,3m² loại đất CLN có sơ đồ vị trí, giáp giới kích thước hình thể được xác định qua các mốc 2,3,4,5,6,7,8,9,21,20,19,18,2 và tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 163,2m² loại đất CLN có sơ đồ vị trí, giáp giới kích thước hình thể được xác định qua các mốc 2,18,19,20,21,9,9',21',20',19',18',2',2. Tổng diện tích mở lối đi là 243,5m² [(Tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 80,3m² loại đất CLN + tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 163,2m² loại đất CLN)] cho gia đình anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Ngọc N1 và gia đình anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P, ông Nguyễn Văn L sử dụng chung không thời hạn không ai được quyền ngăn cản. Anh N, chị N1, anh B, chị P và ông L được quyền bồi đắp, san lấp, láng bê tông, láng nhựa tại diện tích đất mở lối đi 243,5m².

Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 có nghĩa vụ hỗ trợ cho giá trị đất tại diện tích mở lối đi cho người có quyền sử dụng đất bị mở lối đi là anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P bằng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về chi phí khảo sát, đo đạc: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đồng ý chịu nộp toàn bộ số tiền 2.381.000đ (Hai triệu ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đồng ý chịu nộp toàn bộ số tiền án phí không có giá ngạch 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự phúc

thẩm. Hoàn trả lại cho anh B và chị P mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Ngọc N1 với bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Áp dụng: Các Điều 147, 148, 157, 158, 165 và 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 và 171 Luật đất đai năm 2013; Điều 245, 246 và 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 và 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử;

1. Anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ mở lối đi tại tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 80,3m² loại đất CLN có sơ đồ vị trí, giáp giới kích thước hình thể được xác định qua các mốc 2,3,4,5,6,7,8,9,21,20,19,18,2 và tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 163,2m² loại đất CLN có sơ đồ vị trí, giáp giới kích thước hình thể được xác định qua các mốc 2,18,19,20,21,9,9',21',20',19',18',2',2. Tổng diện tích mở lối đi là 243,5m² [(Tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 80,3m² loại đất CLN + tách thửa 99 (Tách 58) diện tích 163,2m² loại đất CLN)] cho gia đình anh Nguyễn Văn N, chị Lê Thị Ngọc N1 và gia đình anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị P, ông Nguyễn Văn L sử dụng chung không thời hạn không ai được quyền ngăn cản. Anh N, chị N1, anh B, chị P và ông L được quyền bồi đắp, san lấp, láng bê tông, láng nhựa tại diện tích đất mở lối đi 243,5m². Đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/10/2022 và Trích lục bản đồ địa chính khu đất theo Công văn số: 10/2023/TAT-DS ngày 09/3/2023.

2. Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 có nghĩa vụ hỗ trợ cho giá trị đất tại diện tích mở lối đi cho người có quyền sử dụng đất bị mở lối đi là anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị P bằng số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí khảo sát, đo đạc: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đồng ý chịu nộp toàn bộ số tiền 2.381.000đ. Trừ vào số tiền tạm ứng anh N và chị N1 đã nộp 2.381.000đ, nên anh N và chị N1 không phải nộp thêm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị Ngọc N1 đồng ý chịu nộp toàn bộ số tiền án phí không có giá ngạch 300.000đ. Trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí anh N và chị N1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo các biên lai thu số 0008556 ngày 07/7/2022 và 0008979 ngày 08/12/2022. Hoàn trả lại cho anh N và chị N1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh B và chị P là người có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh B và chị P 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0009067 ngày 17/01/2023.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND huyện Vũng Liêm: 01b;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm: 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường